

Biên Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 2024.

Số: 1679/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2442/2024/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trịnh Thị Hồng N, Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: G40, tổ 2, khu phố 7, phường L Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Nguyễn Phước Quý Anh L, Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Số 07, khu phố 1, phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông L tự nguyện yêu thương chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 13/04/2016 của Ủy ban nhân dân UBND phường L Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Nay bà N, ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn N Tường Vân, sinh ngày 20/11/2016; cháu Nguyễn N An Nhiên, sinh ngày 06/09/2021 và cháu Nguyễn Phước Thảo Sương, sinh ngày 29/03/2024.

Ly hôn, bà N, ông L thống nhất giao cháu Nguyễn N Tường Vân; cháu Nguyễn N An Nhiên và cháu Nguyễn Phước Thảo Sương cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông L và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trịnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Phước Quý Anh L phải chịu 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Phước Quý Anh L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn N Tường Vân, sinh ngày 20/11/2016; cháu Nguyễn N An Nhiên, sinh ngày 06/09/2021 và cháu Nguyễn Phước Thảo Sương, sinh ngày 29/03/2024.

Giao cháu Nguyễn N Tường Vân; cháu Nguyễn N An Nhiên và cháu Nguyễn Phước Thảo Sương cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Phước Quý Anh L.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: Bà Trịnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Phước Quý Anh L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng lệ phí 300.000đ mà ông L, bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004226 ngày 15 tháng 10 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký KH (1);
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải